

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 35/2021/DS-PT

Ngày 21/10/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Bà Phạm Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLPT-DS ngày 21/6/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2021/QĐ-PT ngày 23/7/2021, các Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Căn hộ 1112, Tòa nhà X, Khu đô thị N, phường PT, quận TH, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 81, Khu dân cư TK, phường SĐ, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của anh C: Anh Dương Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ : Số nhà 7, đường CN, Khu dân cư NT, phường SĐ, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1971.

Địa chỉ : Căn hộ 1112, Tòa nhà X, Khu đô thị N, phường PT, quận TH, Thành phố Hà Nội.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn là anh Vũ Văn C.

Tại phiên tòa có mặt anh K, chị N, anh H; vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị N trình bày:

Anh Nguyễn Văn K và anh Vũ Văn C có quen biết và là bạn của nhau khoảng 20 năm nay. Vào trước thời điểm năm 2012, anh C nhiều lần hỏi vay tiền anh K và có mua sâm Hàn Quốc, nắm linh chi của chị N, tổng số tiền vay và mua sâm, nắm là 465.000.000 đồng. Đến ngày 02/3/2012, hai bên chốt lại số tiền vay và tiền mua sâm, nắm, anh C có ký vào giấy biên nhận vay tiền bằng tín chấp với anh K, số tiền vay là 465.000.000 đồng, hạn trả ngày 30/12/2013. Hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Từ khi vay đến nay, anh C đã trả 3 lần, cụ thể: Vào cuối năm 2012, anh C trả số tiền 50.000.000 đồng; một lần vào năm 2017, anh C chuyển khoản trả 10.000.000 đồng; một lần khoảng tháng 12/2020, anh C chuyển khoản trả 10.000.000 đồng. Tổng số tiền anh C trả là 70.000.000 đồng. Khi trả tiền, hai bên không ký kết hay viết biên nhận. Khi trả tiền, anh C chỉ trả tiền gốc, chưa khi nào trả lãi nhưng do có quan hệ bạn bè nên anh chị không yêu cầu trả lãi. Nay anh K, chị N xác định anh C còn nợ số tiền là 395.000.000 đồng nên anh chị yêu cầu anh C phải thanh toán trả ngay và trả một lần đối với số tiền này. Anh chị không yêu cầu anh C phải trả lãi. Chị T là vợ anh C không biết việc vay nợ của anh C nên anh K, chị N chỉ yêu cầu anh C có trách nhiệm trả vợ chồng anh chị số tiền nợ gốc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Văn C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Dương Văn H trình bày :

Đến ngày 02/3/2012, anh C và anh K đã chốt lại số tiền vay là 465.000.000 đồng, nhưng anh C đã trả anh K và chị N làm 5 lần, cụ thể: Lần thứ nhất, thời điểm cụ thể anh không nhớ anh đã trả trực tiếp cho chị N số tiền 300.000.000 đồng. Việc trả này không ghi giấy tờ và không nhớ có ai chứng kiến. Lần thứ hai, vào cuối năm 2012, anh C xuống nhà anh K, chị N trả số tiền 100.000.000 đồng, gồm cả tiền mặt và USD. Lúc đó, anh K không có nhà, chị N có ghi vào sổ sách do chị N quản lý. Lần thứ 3, anh C trả số tiền 50.000.000 đồng ở Sao Đỏ, địa điểm cụ thể thì anh C không nhớ. Lần thứ 4, cách đây khoảng 3 năm, anh C có chuyển khoản trả 10.000.000 đồng và lần thứ 5, vào tháng 12/2020 anh C chuyển khoản tiếp cho anh K 10.000.000 đồng. Tổng số tiền anh C đã trả anh K, chị N là 470.000.000 đồng. Những lần anh C trả anh K, chị N đều không lập giấy tờ gì. Lý do anh C nợ anh K có 465.000.000 đồng nhưng vẫn trả số tiền 470.000.000 đồng là do anh xác định đã nợ anh K, chị N

hiều năm, chưa trả được lãi, nếu có tiền thì anh sẽ trả hơn cả số tiền này. Nay anh xác định đã trả hết số tiền gốc cho anh K, chị N nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Anh C xác định việc vay nợ này chỉ có anh C vay, vợ anh là chị T không biết và anh không sử dụng việc vay nợ trong sinh hoạt gia đình nên không có liên quan gì tới chị T.

Tại Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 22/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã quyết định: Căn cứ các Điều 256, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K và chị N. Buộc anh C phải trả số tiền gốc 395.000.000 đồng cho anh K và chị N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 06/5/2021, anh C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của anh C, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh C. Chị N nhất trí với quan điểm của anh K.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Vũ Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 của TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn anh C trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Tại phiên tòa vắng mặt anh C nhưng anh C đã có người đại diện theo uỷ quyền có mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh C đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do anh xác định đã trả hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các đương sự đều trình bày thống nhất ngày 02/3/2012, anh C và anh K có thỏa thuận về việc chốt nợ. Hai bên đã ký giấy biên nhận vay tiền bằng tín chấp. Trong giấy vay tiền thể hiện anh C vay của anh K số tiền 465.000.000 đồng, hạn ngày trả 30/12/2013, không có thỏa thuận về lãi suất. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay có kỳ thời hạn và không có lãi, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng hợp pháp. Anh K, chị N và anh C đều thống nhất xác nhận anh C đã trả được 3 lần, tổng là 70.000.000 đồng. Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà anh C trình bày đã trả nhưng anh K, chị N không thừa nhận, anh C cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xác định anh C đã trả được số tiền này.

Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất nội dung có việc anh C đã trả cho chị N số tiền 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N, anh K cho rằng số tiền này là tiền anh C trả cho các khoản nợ mà anh C đã vay của anh K từ năm 2010 nhưng hai bên cho nhau vay bằng lời nói, sau đó 20 ngày anh C đã trả ngay, thời điểm đó chị N không biết việc anh C vay anh K và trả nợ 300 triệu như thế nào, sau này anh K nói lại mới biết; do đó đến nay anh K và chị N không có tài liệu xuất trình về việc vay nợ này. Còn anh H trình bày số tiền 300.000.000 đồng là tiền anh C đã trả cho khoản nợ 465.000.000 đồng, ngoài khoản nợ này, anh C không vay anh K khoản nợ 300.000.000 đồng nào. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của anh K có mâu thuẫn về thời điểm cho anh C vay 300.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm anh K khai cho vay năm 2008, tại phiên tòa phúc thẩm khai cho vay năm 2010. Mặt khác, chị N trình bày không trực tiếp nhận số tiền 300.000.000 đồng nhưng tại vi bằng ghi lại nội dung cuộc điện thoại giữa anh C và chị N (anh C gọi điện cho chị N vào thời điểm sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án) thể hiện chị N nói với anh C: *“còn ba trăm triệu trước là vợ anh là người trả ba trăm triệu đầy đủ không thiếu một hào nào chứ không phải là trả hơn trăm hay là trả làm mấy lần, mà chị ấy trả em đúng ba trăm triệu. Chị ấy còn bảo là chị ấy lấy tiền của anh trai anh, vay tiền của anh trai anh. Em còn nhớ rõ chị ấy trả toàn tiền năm trăm nghìn...”*

Như vậy, có sự việc anh K, chị N đã nhận số tiền 300.000.000 đồng do anh C trả nhưng không có căn cứ chứng minh số tiền này do anh C trả cho khoản nợ khác ngoài khoản nợ 465.000.000 đồng. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh C, sửa bản án sơ thẩm xác định anh C đã trả cho vợ chồng anh K số tiền 300.000.000 đồng, cộng với số 70.000.000 đồng thì anh C đã trả được 370.000.000 đồng, còn nợ vợ chồng anh K số tiền gốc là 95.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ nên sửa án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận. Anh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị, không được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn C đối với nội dung anh C đã trả cho anh Nguyễn Văn K, chị Lê Thị N số tiền 100.000.000 đồng. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Văn C đối với nội dung anh C đã trả cho anh Nguyễn Văn K, chị Lê Thị N số tiền 300.000.000 đồng. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K, buộc anh Vũ Văn C phải trả số tiền nợ 95.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị N.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K về việc buộc anh Vũ Văn C phải trả số tiền nợ 300.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn K phải nộp 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 11.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006730 ngày 26/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh K còn phải nộp 3.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Vũ Văn C phải nộp 4.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Vũ Văn C số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002902 ngày 14/5/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND TP Chí Linh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh